

Bản án số: 500/2019/HS-PT
Ngày 30 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung
Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 508/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Minh BC1 và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Minh BC1 (tên gọi khác: Chép), sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Số 9C/37, Khu phố 8, phường R1, thành phố A, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: Ấp A3, xã A2, huyện A1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị Y; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Ngọc U1 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân như sau: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 579/2012/HS-ST ngày 20/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố A đã xử phạt BC1 01 năm 04 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 231/2012/HS-ST ngày 25/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố A về tội Hủy hoại tài sản; buộc BC1 phải chấp hành

hình phạt chung là 02 năm tù; đến ngày 21/8/2013, Nguyễn Minh BC1 đã chấp hành xong;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04 tháng 4 năm 2016 đến nay tại Trại Tạm giam B5 – Công an tỉnh Đồng Nai;

2. **Trần Văn BC2**, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Đội 7, xóm A4, thôn A5, xã A6, huyện A7, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: Ấp A3, xã A2, huyện A1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha, mẹ là bà Phạm Thị Quyên; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04 tháng 5 năm 2016 đến nay tại Trại Tạm giam B5 – Công an tỉnh Đồng Nai;

3. **Trịnh Văn BC3**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ 19C, khu phố 4, phường A8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 14 tháng 4 năm 2016 đến nay tại Trại Tạm giam B5 – Công an tỉnh Đồng Nai;

4. **Lê Quang BC4**, sinh năm 1992 tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn A9, xã A10, huyện A11, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê BH3 V và bà Hoàng Thị Ngọc L; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 02 tháng 4 năm 2016 đến nay tại Trại Tạm giam B5 – Công an tỉnh Đồng Nai;

5. **Thạch Đức BC5** (tên gọi khác: Kế lùn, Cái lùn), sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 118, Ấp 5, xã P2, huyện P1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Tô D và bà Tô Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 29 tháng 7 năm 2016 đến nay tại Trại Tạm giam B5 – Công an tỉnh Đồng Nai;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh BC1*: Ông Nguyễn Thái H, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Vũ Tăng - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Số 6F, tổ 30, khu phố 5, phường A8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai (có mặt);

- *Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3:* Luật sư Đỗ Hải B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Quang BC4:* Luật sư Nguyễn Trung K, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Thạch Đức BC5: Luật sư Trần Thị Huy C, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Trương Ngọc Anh BH1, sinh năm 1980 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Ngọc Anh BH1: Bà Mã Thị Thu V (mẹ bị hại); cư trú tại: Ấp V3, xã V1, huyện V2, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mã Thị Thu V (văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 4 năm 2018): Bà Lê Thị Phương K1, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp 15, xã V1, huyện V2, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

2. Anh Cao Minh BH2, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Ấp 6, xã V4, huyện V5, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

3. Anh Lữ Nhật BH3, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, thị trấn V6, huyện V7, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường V6, thị xã V7, tỉnh Bạc Liêu); cư trú tại: Khu phố 4, phường A8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Minh BH4, sinh năm 1998; nơi đăng ký thường trú: Ấp 4A, xã V8, huyện V7, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V8, thị xã V7, tỉnh Bạc Liêu); cư trú tại: Khu phố 4, phường A8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961 (mẹ của bị cáo BC1); cư trú tại: Số 9C/37, Khu phố 8, phường R1, thành phố A, tỉnh Đồng Nai (có mặt);

2. Ông Phạm Văn Đ và bà Chu Thị Thu H (cậu và mợ của bị cáo BC2); cùng cư trú tại: Số 24, đường S1, phường S2, quận S3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3. Ông Lê BH3 V, sinh năm 1966 (cha của bị cáo BC4); cư trú tại: Thôn A9, xã A10, huyện A11, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê BH3 V (văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 6 năm 2018): Ông Phạm Thanh I, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 252, đường S4, thị trấn S5, huyện A11, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

4. Ông Thạch Tổ D, sinh năm 1955 (cha của bị cáo BC5); cư trú tại: Số 118, Ấp 5, xã P2, huyện P1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

5. Ông Phạm Thế H, sinh năm 1975 (cha của bị cáo BC6), nơi đăng ký thường trú: Hẻm 1, Tổ 28, Khu phố 1, phường A8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

(Trong vụ án còn có các bị cáo Phạm Nguyễn Nguyên BC6, Vũ Minh BC7, Nguyễn Thanh BC8 không bị kháng nghị, không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 22 giờ, ngày 12 tháng 3 năm 2016, Trịnh Văn BC3 tới quán Karaoke “Yên Nguyệt” thuộc Khu phố 5, phường A8, thành phố A để dự sinh nhật bạn; trong đó gồm có: Đinh Văn E1, sinh năm 1987; Nguyễn Văn E2, sinh năm 1994; Phạm Văn E3, sinh năm 1997; Phan Bá D1, sinh năm 1998 và Phạm Nguyễn Nguyên BC6; tất cả đều cư trú tại thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Trong lúc hát karaoke, Nguyễn Văn E2 có xảy ra mâu thuẫn, xô xát với Ngô Văn D3, sinh năm 1993, ngụ tại ấp S6, xã S7 huyện S8, tỉnh Đồng Nai, là người hát karaoke ở phòng kế bên, nhưng được can ngăn; sau đó, hai bên giải tán ra về.

Trên đường về, Ngô Văn D3 điện thoại cho Nguyễn Đăng O, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại Khu phố 4, phường A8, thành phố A để nhờ đánh lại nhóm của Nguyễn Văn E2; lúc này, Nguyễn Đăng O đang uống cà phê trước cổng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, cùng với Bùi Đức Z, sinh năm 1993 (ngụ tại Khu phố 4, phường A8); Z nghe được và biết Ngô Văn D3 đang chạy xe máy tới gần chỗ mình. Ngô Văn D3 đến, chỉ cho Nguyễn Đăng O biết Nguyễn Văn E2 đi xe máy hiệu Dream là người đã đánh D3 trước đó. Khi được Ngô Văn D3 chỉ đặc điểm, Nguyễn Đăng O đã dùng xe máy hiệu Suzuki – Sport chở D3 đuổi theo; Bùi Đức Z cũng lấy xe máy chạy theo Nguyễn Đăng O. O, D3 và Z đuổi theo nhóm của anh Nguyễn Văn E2 và Đinh Văn E1 về tới Tổ 19C, Khu phố 4, phường A8. Khi đến đầu hẻm, xe máy của E2 và E1 đã bị trượt và té ngã, E2 và E1 bỏ chạy bộ vào trong hẻm. Thấy vậy, Hòa, D3 và Z đã quay đầu xe bỏ đi. Lúc này, Trịnh Văn BC3 và Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đang ở trong nhà E1, nhìn thấy E1 và E2 bị nhóm Nguyễn Đăng O đuổi; nên Trịnh Văn BC3 đã điện thoại cho Lê Quang BC4 đang làm thuê tại vừa cá thuộc ấp Z1, xã Z2, thành phố A; Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đã điện thoại cho Nguyễn Minh BC1

đang làm thuê ở hồ cá thuộc ấp A3, xã A2 huyện A1; và BC6 cũng điện thoại cho Vũ Minh BC7 nói là bị đánh, nhờ BC7 chạy đến giúp.

Sau khi nghe điện thoại của Trịnh Văn BC3, Lê Quang BC4 lấy 01 con dao lê dài khoảng 25cm và 01 con dao nhỏ dài khoảng 50cm; BC4 rủ Chổng Màu D2 (tên thường gọi M1 vịt) ở cùng phòng trọ, để đi đánh nhau thì D2 đồng ý; BC4 gọi điện thoại cho Thạch Đức BC5 nói BC3 vừa bị đánh và kêu BC5 chạy vào A9 Thanh Hóa thuộc Khu phố 4, phường A8 để đánh nhau; lúc này, Thạch Đức BC5 đang nhậu tại quán Bar 89, đường Phạm Văn Thuận, thành phố A với Nguyễn Thanh BC8 là bạn làm nghề xe ôm; nên BC5 nhờ BH3 chở đi.

Sau khi đã điện thoại cho Nguyễn Minh BC1; Phạm Nguyễn Nguyên BC6 chạy xe mô tô vào hồ cá thuộc ấp A3, xã A2, huyện A1 (chỗ BC1 ở và làm thuê), lấy 02 cây dao ở trên nóc tủ giao cho BC1; đồng thời, BC1 cũng mang theo con dao bấm (dạng gấp) giấu trong BC3i quần. BC6 tiếp tục gọi điện thoại cho Trần Văn BC2 (là bạn của BC1 và BC6 đang làm thuê cùng hồ cá ở địa chỉ trên), nói BC2 đi đánh nhau và BC2 đồng ý. BC2 lấy con dao cán gỗ màu vàng dài khoảng 80 cm, đi lên nơi BC1 đang ở thì gặp BC6 và BC1. Do Vũ Minh BC7 không có xe mô tô, nên BC6 điều khiển xe từ chòi cá đi trước; đến giáo xứ Lộc Lâm thuộc phường R1, thành phố A để chờ BC7 thì gặp Lê Quang BC4 chở Chổng Màu D2 đang ở đây; BC2 chở BC1 mang theo 04 con dao đi sau. Khi đến A9 Thanh Hóa, xe mô tô của BC2 chở BC1 hết xăng; nên BC1 điện thoại cho BC6 nói đang đợi ở gần A9 Thanh Hóa. Sau đó BC6, BC7, BC4 và D2 cùng chạy mô tô đến A9 Thanh Hóa thì gặp BC2 chở BC1 mang theo hung khí. Tại đây, cả nhóm gặp Phạm Văn E3, sinh năm 1997 (hộ khẩu thường trú: Tổ 17, Khu phố 4, phường A8, thành phố A) chở Trịnh Văn BC3 và gặp Nguyễn Thanh BC8 chở Thạch Đức BC5 chạy đến; cả nhóm chạy xe mô tô về nhà anh Đinh Văn E1. Tại nhà anh E1, do xe mô tô hết xăng nên BC6 kêu Phạm Văn E3 chở đi ra ngoài mua xăng; D2 cầm dao (dạng kiếm nhật), BC1 mang dao bấm (bỏ trong BC3i quần), BC2 cầm dao tự chế cán gỗ màu vàng (dạng kiếm), BC4 cầm sẵn dao lê và BC5 cầm dao tự chế (dạng kiếm) để chuẩn bị đi đánh nhau.

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 13/3/2016, khi Phạm Văn E3 chở Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đi mua xăng, khi đến gần Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thì phát hiện nhóm của Nguyễn Đăng O đang chạy xe mô tô ngược chiều (vào hướng A9 Thanh Hóa); BC6 lập tức điện thoại cho BC1 nói: *“Tụi nó đang chạy vào đó”*. Sau khi nghe điện thoại của BC6, cả nhóm đang ở nhà E1 nhìn thấy có 4 người đi trên 1 xe mô tô chạy ngang qua, tưởng là nhóm của Nguyễn Đăng O; nên BC4 chở BC5 và BC2, còn BC3 chở BC1 và D2 cầm hung khí đuổi theo về hướng A9 Thanh Hóa; BH3 và BC7 định đi theo nhưng xe hết xăng nên ở lại.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/3/2016, anh Cao Minh BH2 chở theo 03 người bạn gồm: anh Trương Ngọc Anh BH1, anh Lữ Nhật BH3 và anh Nguyễn Minh BH4; tất cả trên đường đi nhậu về phòng trọ tại Tổ 19A, Khu phố 4, phường A8, thành phố A; đã dừng lại bên vệ đường đứng trò chuyện; bất ngờ bị BC1, BC4, BC3, D2, BC2 và BC5 xông tới đánh. BC5 xuống xe xông tới dùng kiếm chém anh BH2 liên tiếp 2 đến 3 nhát vào vùng trán và bả vai. Anh BH2 đã dùng tay chụp lấy đầu của BC4, bị BC4 dùng dao đâm 1 nhát trúng nách nên anh BH2 hoảng sợ bỏ chạy nên thoát chết. Thấy bị đánh bất ngờ, anh BH4, anh BH1 và anh BH3 bỏ chạy; anh BH4 và anh BH1 bỏ chạy vào trong hẻm thì bị D2 cầm kiếm, BC1 cầm dao bấm, BC2 cầm kiếm và BC3 cầm vỏ kiếm (của D2 bỏ lại) đuổi theo. D2 chém liên tiếp vào lưng và tay anh BH1. Anh BH1 quay người lại nói: “sao đánh tôi?” thì bị BC1 dùng dao bấm (dạng gấp) đâm vào vùng ngực, bụng và bả vai; BC3 xông tới dùng vỏ kiếm đánh vào đầu và lưng anh BH1; BC2 xông tới chém 2 nhát vào người anh BH1. Anh BH3 bỏ chạy thì bị đâm 1 nhát vào cánh tay trái còn anh BH4 cũng bị xông vào chém nhưng đã chạy thoát nên không bị thương tích gì. Khoảng 02 phút sau, anh BH4 quay lại thì thấy anh BH1 nằm bất động nên báo Công an giải quyết.

Sau khi đâm các nạn nhân, BC1, BC4, BC3, D2, BC2 và BC5 lên 2 xe máy chạy về hướng nhà anh E1; khi đi được khoảng 200m, gặp Nguyễn Thanh BC8 chở BC7 đi xe máy đang chạy ngược chiều nên BC1 kêu BC7 và quay lại rồi tất cả chạy về hồ cá. Khoảng 01 giờ 40 phút cùng ngày, BC6 và E3 đi mua xăng quay về nhà anh E1, thấy D1 đang ngủ tại đây, BC6 nói E3 và D1 chạy xe cùng vào hồ cá.

Tại hồ cá, tất cả bỏ hung khí xuống góc nhà sàn, BC1 thừa nhận với đồng bọn đã dùng dao bấm đâm nạn nhân mấy nhát; sau đó, đưa dao bấm có dính máu cho BC6 và nói với BC6 đi rửa; BC4 thừa nhận đã dùng dao lê đâm nạn nhân 2 nhát vào bả vai, BC5 thừa nhận đã chém nạn nhân 2-3 nhát; sau đó, cả nhóm giải tán. BH3 chở BC5, BC4 chở D2, BC3 chở D1 và E3 một mình chạy xe về; BC7, BC2 và BC1 ngủ tại hồ cá.

Khoảng 10 giờ ngày 13/3/2016, BC3 nghe tin nạn nhân đã chết nên tới hồ cá báo cho các đồng phạm biết; BC7 cũng đã báo cho BC4 và BC2. Sau đó, BC3, BC1, BC7 cùng BC2 nhờ Nguyễn Minh M1, sinh năm 1986 (hộ khẩu thường trú Khu 8, phường R1, thành phố A (anh rể BC1)), chở đến công viên 30/4 (phường Tân Biên) thì BC1 và BC2 xuống xe; sau đó, M1 chở BC7 và BC3 tới A9 Vũng Tàu để đón xe khách. BC3 và BC7 đón xe đi Kiên Giang; còn BC1 đón xe đi Thành phố Hồ Chí Minh trốn; BC2 đón xe lên huyện Trảng Bom đi lang thang. Khi biết nạn nhân đã chết, ngày 14/3/2016, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đã đem 07 con dao là hung khí gây án ra vệ suối chôn cất, rồi bỏ trốn.

Ngày 15/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố vụ án; đến ngày 02/4/2016, Lê Quang BC4 đầu thú; ngày 14/4/2016, Trịnh Văn BC3 đầu thú; ngày 04/4/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt khẩn cấp Nguyễn Minh BC1; ngày 04/5/2016, Trần Văn BC2 đầu thú; ngày 31/7/2016, Vũ Minh BC7 đầu thú; ngày 29/7/2016, Thạch Đức BC5 đầu thú và ngày 02/8/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt Phạm Nguyễn Nguyên BC6.

Đối với Nguyễn Thanh BC8, quá trình điều tra xác định BH3 không trực tiếp đâm và chém nạn nhân. Tuy nhiên, trước khi sự việc xảy ra, BH3 biết các bị cáo BC4 và BC5 cùng đối tượng D2 đã mang theo hung khí và đuổi theo các nạn nhân; sau khi sự việc xảy ra, BH3 biết các đồng phạm đâm chém nạn nhân; khi biết nạn nhân chết, BH3 không tố giác hành vi của họ mà bỏ trốn; đến ngày 25/3/2016, được sự động viên của gia đình mới đến khai báo với Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Quang BC4, Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3, Vũ Minh BC7, Thạch Đức BC5, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 và Nguyễn Thanh BC8 đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

2. Về giám định:

2.1. Tại Kết luận giám định pháp y số: 137/PC54-KLGDPY ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Giám định viên thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, xác định thương tích và nguyên nhân tử vong của anh Trương Ngọc Anh BH1 như sau:

- Khám ngoài:

+ Trên vải áo: nhiều vết rách vải áo vùng ngực, vùng bụng, vùng hông, vùng nách, vùng tay.

+ Đầu mặt: hai mắt nhắm hờ, miệng hờ, tai mũi miệng khô. Xây xát da 4 cm x 3,5 cm ngay trên chân mày trái. Xây xát da 3 cm x 2,6 cm vùng gò má trái.

+ Ngực bụng: Xây xát da 1,6 cm x 0,6 cm cách trên mũi ức. Rách da hình bầu dục 2,5 cm x 0,8 cm cách 2 cm dưới rốn về bên trái, mép vết gọn, tụ máu, hướng rãnh thương từ trước ra sau, trái sang phải, xuyên thủng vào ổ bụng.

+ Lưng: Rách da hình bầu dục 2 cm x 0,6 cm đầu dưới xương bả vai trái, cách 1 cm đốt sống lưng số 6 về bên trái. Xây xát da 11,3 cm cách 2,5 cm đốt sống lưng về bên trái. Xây xát da vùng lưng và sườn lưng 15 cm x 1,5 cm, tâm vết cách 13 cm đốt sống lưng về bên phải. Xây xát da 12 cm x 2,3 cm cách 5 cm đốt sống lưng về bên phải. Xây xát da 12 cm ngang vùng thắt lưng phải.

+ Tay chân: 07 vết xây xát da vùng mặt ngoài cánh, cẳng tay trái (xước da 5cm; rách 1cm x 1cm; rách da 4,6cm x 2cm; rách da 5,5cm x 2,2cm đầu trên có vết xước 2,5cm và đầu dưới có vết xước 8,5cm; rách da 2,2 cm x 0,8cm đầu ngoài có vết xước da 3cm; rách da 2cm x 0,6cm đầu ngoài có vết xước da 2cm; rách da 1,4cm x 0,8cm đầu ngoài có vết xước 0,5cm, đầu trong có vết xước 2cm).

- Khám trong:

+ Đầu: Không tụ máu dưới da cơ vùng đầu. Xương hộp sọ không thấy tổn thương.

+ Ngực bụng: Trong khoang lồng ngực hai bên khô, trong ổ bụng có nhiều máu loãng lẫn máu cục. Hai phổi xung huyết, xuất huyết. Trong bao màng tim không có máu, tim xung huyết, xuất huyết. Gan lách xuất huyết, xung huyết. Rách và tụ máu mạc treo ruột 13cm x 11cm (rách 3,5cm x 0,7cm). Rách và tụ máu thành sau BC6 mạng bụng và hố thận bên phải. Đứt động mạch – tĩnh mạch rốn thận cực dưới.

- Phân kết luận:

+ Dấu hiệu chính: Vết rách da vùng bụng bên trái rốn. Đứt động mạch tĩnh mạch rốn thận. Rách mạc treo ruột.

+ Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu do đa vết thương gây đứt động - tĩnh mạch thận, thủng mạc treo ruột.

+ Hung khí: Vật sắc nhọn và vật tày.

2.2. Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0281/GDPY/2016 ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Giám định viên thuộc Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của anh Cao Minh BH2 như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương trán trái để lại sẹo kích thước 0,7 x 0,2cm, sẹo đôi màu, xơ, xấu về thẩm mỹ; tỷ lệ 07%. Vết thương vai trái để lại sẹo kích thước 1,5cm x 0,2cm và vết thương nách trái để lại sẹo kích thước 0,5 x 0,2cm; tỷ lệ 02%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **9%** (chín phần trăm).

2.3. Đối với anh Lữ Nhật BH3 bị đâm 01 nhát vào cánh tay trái gây thương tích; sau đó, bỏ chạy thoát. Quá trình điều tra anh BH3 không yêu cầu bồi thường và từ chối giám định thương tích (bút lục số 328).

2.4. Đối với Nguyễn Minh BC1:

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Y là mẹ Nguyễn Minh BC1 có đơn xin đưa BC1 đi giám định pháp y tâm thần; do trước khi xảy ra vụ án, BC1 bị chấn thương sọ não.

- Ngày 19/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra trung cầu pháp y tâm thần đối với BC1. Ngày 02/11/2016, Giám định viên thuộc Viện Pháp y Tâm thần Trung ương A, ban hành Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 434/KL-VPYTW đối với Nguyễn Minh BC1 như sau:

Về y học:

+ Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).

+ Hiện nay: Đang sự bị bệnh quên phân ly/ rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F44.0- F07.8-ICD.10)

Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự bị mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, chưa đủ khả năng làm việc với cơ quan pháp luật (bút lục số 21 và 22).

- Ngày 16/01/2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Công văn số: 47/VKS-P2, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trung cầu giám định lại năng lực nhận thức và điều khiển hành vi đối với Nguyễn Minh BC1. Ngày 20/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số: 08/QĐ-PC45, trung cầu giám định lại đối với BC1 tại Viện Pháp y Tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/3/2017, Giám định viên của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Y tế có Kết luận giám định pháp y tâm thần (giám định lại) số: 502 /KLGD đối với Nguyễn Minh BC1 như sau:

- Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ở đối tượng Nguyễn Minh BC1: Rối loạn nhân cách, cảm xúc không ổn định (F60.3-ICD10);

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi phạm tội ở đối tượng Nguyễn Minh BC1: Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Việc đánh giá năng lực trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng (bút lục số 23 và 24).

- Sau khi kết thúc điều tra, do có sự khác nhau giữa Kết luận giám định lần đầu và Kết luận giám định lại. Căn cứ Điều 30 Luật Giám định tư pháp, ngày 15/5/2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số: 502/QĐ-VKS-P2 về việc trả hồ sơ vụ án để Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai trưng cầu giám định lại lần thứ hai đối với Nguyễn Minh BC1. Ngày 30/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại (lần 2) số: 03/QĐ-PC45 gửi Viện Pháp y tâm thần Trung ương A đề nghị giám định lại lần 2 đối với Nguyễn Minh BC1. Ngày 28/6/2017, Bộ Y tế đã ra Quyết định số: 2857/QĐ-BYT thành lập Hội đồng giám định lại lần II để xác định tình trạng tâm thần của Nguyễn Minh BC1.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 360/KLGĐPYTTLII ngày 14/8/2017 của Giám định viên do Bộ Y tế thành lập đã kết luận đối với Nguyễn Minh BC1 như sau:

+ Về y học: Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định loại xung động (F60.30 – ICD. 10). Bệnh nặng thêm sau chấn động não.

+ Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi (các bút lục số 384; 418,419 và 420).

3. Vật chứng:

Ngày 30/3/2016, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đã chỉ nơi cất giấu hung khí gây án tại trang trại cá thuộc Ấp A3, xã A2, huyện A1. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã tiến hành thu giữ:

- 01 (một) con dao bấm (gấp) cán bằng thép màu trắng, dài 22cm, bản rộng 01cm;

- 01 (một) con dao (dạng đao) cán bằng thép màu trắng bọc nhựa màu đen, dài 39cm, cán dài 12cm, bản rộng 5cm;

- 01 (một) con dao tự chế (dạng kiếm) cán bằng gỗ màu vàng, dài 80cm, cán dao dài 23cm, bản rộng 2,5cm;

- 01 (một) con dao (dạng kiếm nhật) cán bằng nhựa cuốn dây nhựa màu đen, dài 80cm, cán dài 23cm, bản rộng 2,5cm;

- 01 (một) con dao (dạng dao lê) cán bằng thép màu nâu, dài 23cm, lưỡi màu trắng có vỏ bọc bằng thép;

- 01 (một) con dao tự chế (dạng kiếm) cán cuốn bằng keo màu đen, dài 60cm, cán dao dài 8cm, bản rộng 2,8cm;

- 01 (một) con dao tự chế (dạng kiếm) cán bằng thép màu trắng cuốn băng keo màu đen, dài 66cm, cán dài 15cm, bản 5,5 cm, lưỡi dao bầu;
- 01(một) vỏ kiếm bằng gỗ đã bị vỡ dài 52 cm.

4. Bồi thường dân sự:

- Gia đình bị hại Trương Ngọc Anh BH1 yêu cầu bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần; tổng cộng 188.068.000 đồng.

- Anh Cao Minh BH2 yêu cầu bồi thường 4.000.000 đồng; đã nhận 2.000.000 đồng từ gia đình bị cáo BC2. Tại phiên tòa, anh BH2 không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại.

- Quá trình điều tra, gia đình các bị cáo Trần Văn BC2, Nguyễn Minh BC1, Lê Quang BC4, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 và Thạch Đức BC5 đã tự nguyện giao nộp tổng số tiền là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng), cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Y là mẹ của Nguyễn Minh BC1 đã giao nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

+ Ông Phạm Văn Đ là cậu Trần Văn BC2 đã giao nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và bà Chu Thị Thu H là vợ của BC2 đã giao trực tiếp cho anh Cao Minh BH2 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

+ Ông Lê BH3 V cha của Lê Quang BC4 đã giao nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

+ Ông Phạm Thế H là cha Phạm Nguyễn Nguyên BC6 tự nguyện nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

+ Ông Thạch Thổ D là cha Thạch Đức BC5 nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Trước khi mở phiên tòa ngày 28 tháng 6 năm 2018, bà Nguyễn Thị Y là mẹ của BC1 đã bồi thường trực tiếp cho gia đình bị hại Khoa 30.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa ngày 28 tháng 6 năm 2018, bị cáo Vũ Minh BC7 tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bị cáo Trịnh Văn BC3 tự nguyện nộp 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

5. Các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

- Đối với Đinh Văn E1 và Nguyễn Văn E2: E2 có mâu thuẫn đánh nhau (bằng tay) với Ngô Văn D3 nhưng không gây thương tích gì; sau đó, giải tán ra về. Sau khi E2 về nhà, đã cùng E1 đi ra ngoài bằng xe máy thì bị Nguyễn Đăng O đuổi theo; E2 chở E1 tự té ngã và cũng không bị thương tích gì; sau đó, kể lại cho BC3 và BC6 nghe lại sự việc rồi nằm nghỉ. Hiện tại, chưa có tài liệu để xác

định E1 và E2 tác động để BC3 và BC6 thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Minh M1: Các tài liệu có tại hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở xác định mục đích M1 chở BC1, BC2, BC3 và BC7 bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Thị Thùy M2 (chị ruột Nguyễn Minh BC1): Quá trình điều tra ban đầu, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 khai nhận sau khi biết sự việc chết người xảy ra, M2 nói BC6 đem đi chôn 07 con dao là hung khí gây án. Sau khi BC6 bị bắt tạm giam, BC6 thừa nhận tự mình đem hung khí đi chôn cất nhằm tránh sự phát hiện, không có ai khác. Đồng thời, M2 cũng khẳng định không biết gì về những hung khí mà các đối tượng gây án và cũng không có kêu BC6 đem dao đi chôn giấu. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với hành vi của Phạm Văn E3: Do quen biết với nhóm của BC3 và đi dự sinh nhật cùng nhau. Tại nhà E1, khi thấy xe hết xăng, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 đã kêu E3 chở đi mua xăng. Việc các bị cáo tham gia gây án E3 không biết và cũng không có hành vi kích động nào nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với Phan Bá D1: Việc các bị cáo tham gia gây án D1 không tham gia nên không có cơ sở xử lý với vai trò đồng phạm.

- Đối với Chống Màu D2: Sau khi phạm tội đã bỏ trốn; ngày 01/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã số: 01/QĐ-PC45; khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

6. Truy tố:

- Tại Cáo trạng số: 1442/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

+ Các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trịnh Văn BC3, Trần Văn BC2, Lê Quang BC4, Thạch Đức BC5, Phạm Nguyễn Nguyên BC6 và Vũ Minh BC7 về tội “Giết người” theo Điểm a và Điểm n, Khoản 1, Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Bị cáo Nguyễn Thanh BC8 về tội “Không tố giác tội phạm” theo Khoản 1, Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3, Lê Quang BC4, Thạch Đức BC5 phạm tội “Giết người”

1. Áp dụng Điểm a và Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm b, Điểm n và Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh BC1 (tên gọi khác: Chép) 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2016.

2. Áp dụng Điểm a và Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm b và Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn BC2 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2016.

2.2. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn BC3 12 (mười hai) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2016.

2.3. Xử phạt bị cáo Lê Quang BC4 08 (tám) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2016.

2.4. Xử phạt bị cáo Thạch Đức BC5 (tên gọi khác: Kê lùn, Cái lùn) 08 (tám) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 29 tháng 7 năm 2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phạm Nguyễn Nguyên BC6, Vũ Minh BC7, Nguyễn Thanh BC8, tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, tại Quyết định kháng nghị số 284/QĐ-VKS-P2 ngày 10/8/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị theo hướng tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3, Lê Quang BC4, Thạch Đức BC5.

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong vụ án này, các bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại nhưng lại dùng hung khí nguy hiểm đâm, chém nhiều nhát vào người những bị hại. Sau đó tuy bị hại đã bỏ chạy nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục đuổi theo. Kết quả đã dẫn tới cái chết của anh Trương Ngọc Anh BH1, anh Cao Minh BH2 do bỏ chạy kịp nên bị thương tích 9%. Hành vi của các bị cáo mang tính chất côn đồ, đã tước đi mạng sống của người khác nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Thạch Đức BC5, Trịnh Văn BC3 và Lê Quang BC4 chưa tương xứng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Minh BC1: 18 - 20 năm tù.

- Bị cáo Trần Văn BC2: 18 - 20 năm tù.
- Bị cáo Trịnh Văn BC3: 16 - 18 năm tù.
- Bị cáo Lê Quang BC4: 14 - 16 năm tù.
- Bị cáo Thạch Đức BC5: 14 - 16 năm tù.

Luật sư Nguyễn Thái H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh BC1 tranh luận: Luật sư thống nhất với tội danh cũng như mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Tuy nhiên, khung hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp, bị cáo BC1 không phải là chủ mưu vụ án, được BC6 rủ đi. Hơn nữa, bị cáo BC1 là người hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên dẫn tới việc bị cáo đã có hành vi sai phạm; bị cáo BC1 còn bị chấn thương sọ não nên tinh thần rất thất thường, hành động bộc phát. Bị cáo và bị hại không mâu thuẫn, trong ý thức của bị cáo không muốn tước đoạt tính mạng của bị hại, chỉ là đam đại nên không thể buộc tội "Giết người" đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như khai báo thành khẩn, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Đỗ Hải B bào chữa cho các bị cáo Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3 tranh luận: Về tố tụng, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện năm 2016, thời điểm xét xử năm 2018, đề nghị áp dụng Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo.

Về nội dung, các bị cáo không phủ nhận hành vi đã gây ra, chấp nhận mức án cấp sơ thẩm tuyên xử. Hơn nữa, hai bị cáo đã đầu thú, mong Hội đồng xét xử áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật. Hành vi các bị cáo chém nhằm đối tượng, không mâu thuẫn với các bị hại, hậu quả bị hại chết. Hành vi bị cáo BC2 cầm kiếm chém Khoa, tuy nhiên trong vụ án này còn có đối tượng D2 đang bỏ trốn cũng thực hiện hành vi chém bị hại, do đó nguyên nhân và ai là người gây ra cái chết của bị hại cần xem xét. Hành vi bị cáo BC3 dùng vỏ kiếm đánh Khoa thì hậu quả hành vi này chỉ có thể gây thương tích không phải là nguyên nhân gây ra cái chết của bị hại Khoa.

Trên cơ sở đó, đề nghị vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa rút một phần kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3; Nếu Viện kiểm sát không rút kháng nghị thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Trung BC1 bào chữa cho bị cáo Lê Quang BC4 tranh luận: Về hành vi, bị cáo chỉ đâm bị hại Thương, BC4 phạm tội do rủ rê và giúp đỡ bạn bè. Nguyên nhân gây ra cái chết của Khoa còn có D2 hiện đang bỏ trốn. BC4 không phải là chủ mưu. Nguyên nhân chính là do Thương nắm đầu bị cáo kéo xuống, bị cáo chỉ phản kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Thị Huy C bào chữa cho bị cáo Thạch Đức BC5 cũng thống nhất với tội danh cũng như mức án mà Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo đều có tuổi đời còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ văn hoá thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo BC5 đánh anh BH2 nhưng anh BH2 chỉ bị thương nhẹ. Bị cáo BC5 đã đầu thú, có vai trò thứ yếu trong vụ án, đã khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo, bà Nguyễn Thị Y (mẹ bị cáo Nguyễn Minh BC1), ông Lê Quang V (cha bị cáo BC4) có ông Phạm Thanh I đại diện ủy quyền đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 01 giờ 30 ngày 13/3/2016, do có mâu thuẫn trong lúc hát Karaoke, Ngô Văn D3 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Đăng O nhờ đánh lại nhóm của Nguyễn Văn E2. Khi thấy Nguyễn Đăng O đuổi theo Đinh Văn E1 và Nguyễn Văn E2. Phạm Nguyễn Nguyên BC6 và Trịnh Văn BC3 đã rủ Lê Quang BC4, Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Chổng Màu D2 và chuẩn bị hung khí cùng đi đánh nhóm của O.

Khi nhìn thấy các anh Trương Ngọc Anh BH1, Cao Minh BH2, Lữ Nhật BH3 và Nguyễn Minh BH4 trên đường chờ nhau về phòng trọ, BC6 nhầm tưởng là nhóm của O nên đã gọi cho Nguyễn Minh BC1 BC7 báo. Nhận được BC7 báo của BC6, BC4 chở BC5, BC2 chở BC1 và Chổng Màu D2 bằng xe mô tô, dung hung khí là dao tự chế, dao bấm đuổi theo nhóm anh BH1. Khi nhóm của anh BH1 dừng lại tại A9 đường hẻm thuộc tổ 19A, khu phố 4, phường A8 để nói chuyện thì bị nhóm của Nguyễn Minh BC1 tấn công. BC5 dùng kiếm chém liên tiếp 2, 3 nhát vào vùng trán và bả vai của anh BH2. Anh BH2 dùng tay chụp lấy đầu BC4 thì bị BC4 dùng dao đâm một nhát trúng nách nên anh BH2 bỏ chạy

nên thoát chết. Thấy bị đánh bất ngờ anh BH1, anh BH4 và anh BH3 bỏ chạy. Anh BH4 và anh BH1 chạy vào trong hẻm thì bị D2 cầm kiếm, BC1 cầm dao, BC2 cầm kiếm, BC3 cầm võ kiếm đuổi theo. D2 chém liên tiếp vào lưng và vai anh BH1, anh BH1 quay lại thì bị BC1 dùng dao đâm đâm vào bụng, ngực và bả vai của anh BH1, BC3 cầm võ kiếm đánh vào người anh BH1, BC2 xông tới chém 2 nhát vào người anh BH1. Anh BH3 và anh BH4 cũng bị đâm và chém nhưng đã chạy thoát nên không bị thương tích.

Kết quả anh Trương Ngọc Anh BH1 chết do sốc mất máu do đa vết thương gây đứt động mạch tĩnh mạch rốn thận, thủng mạc treo ruột. Anh Cao Minh BH2 do bỏ chạy kịp nên thoát chết, bị thương tích với tỷ lệ 9%. Anh Lữ Nhật BH3 thương tích nhẹ nhưng từ chối giám định.

[2] Xét, các bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng đã dùng dao, kiếm – là hung khí nguy hiểm có tính sát thương cao đâm chém bị hại, khi bị hại bỏ chạy các bị cáo vẫn đuổi theo đến cùng tiếp tục tấn công gây ra cái chết của một người, những người khác do bỏ chạy kịp nên thoát chết là thể hiện tính chất côn đồ của các bị cáo. Với hành vi nêu trên, các bị cáo đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” theo điểm a, n Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3, Lê Quang BC4, Thạch Đức BC5.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, tuy không có mâu thuẫn nhưng các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm đâm, chém bị hại, dù bị hại đã chạy trốn nhưng các bị cáo vẫn truy đuổi đến cùng. Trong đó bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2 là người trực tiếp dùng dao đâm, Trịnh Văn BC3 là người trực tiếp dùng võ kiếm đánh vào đầu anh BH1 dẫn tới tử vong, bị cáo BC4 và bị cáo BC5 trực tiếp dùng dao đâm anh BH2, anh BH2 thoát chết do bỏ chạy kịp thời là trái với ý muốn của các bị cáo. Các bị cáo phạm tội với 02 tình tiết tăng nặng ở Khoản 1 Điều 93, hậu quả làm một người chết, một người khác bị thương, gây ảnh hưởng rất lớn tới trật tự trị an xã hội. Tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ như gia đình các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo BC1 trước trong và sau khi gây án bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo BC3, BC2, BC4, BC5 sau khi gây án đã tự nguyện ra đầu thú nhưng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra thì mức án mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo là chưa tương xứng, chưa đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa. Tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh BC1, Trần Văn BC2, Trịnh Văn BC3, Lê Quang BC4, Thạch Đức BC5.

[3] Về án phí hình sự Phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355; Điểm a Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1/ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

2/ Về hình phạt:

Áp dụng Điểm a, n Khoản 1 Điều 93; Điểm b, n, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh BC1 17 (mười bảy)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2016.

Áp dụng Điểm a, n Khoản 1 Điều 93; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn BC2 17 (mười bảy)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2016.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn BC3 14 (mười bốn)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2016.

Xử phạt bị cáo **Lê Quang BC4 09 (chín)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2016.

Xử phạt bị cáo **Thạch Đức BC5 09 (chín)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2016.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

4/ Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Hòa Hiệp